

Bản án số: 24 /2023/HSST
Ngày: 08-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Mến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kha

Ông Vũ Hồng Dương

Ông Nguyễn Trung Vẹn

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Hoàng, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2023/TLST - HS, ngày 18 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1/ **Nguyễn Hoàng P**, sinh năm: 1993 tại tỉnh Bình Dương; Nơi thường trú: Nơi thường trú: ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Nơi tạm trú: ấp B, xã N, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1960 (chết) và bà Bùi Thị N, sinh năm 1963 (chết); Bị cáo chưa có vợ và con; Tiền án: có 02 tiền án. Ngày 30 tháng 8 năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương xử phạt 05 năm 04 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản”. Ngày 30 tháng 8 năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tiền sự: Không có; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 31/3/2022 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng P: Luật sư Võ Thanh L – Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh bào chữa cho bị cáo theo chỉ định (có mặt).

2/ **Cao Việt N**, sinh năm: 1995 tại Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm Nông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao

Văn Tr, sinh năm 1972 và bà Trần Thị D, sinh năm 1978; có vợ (ly hôn) và 01 người con; Tiền án: Không có; Tiền sự: Không có; Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/3/2022 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Cao Việt N:* Luật sư Võ Thanh L – Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh bào chữa cho bị cáo theo chỉ định (có mặt).

3/ **Đào Vang Đ**, sinh năm: 1995 tại Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp Q, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm Thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn R, sinh năm 1972 và bà Trần Thị Q, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ; Tiền án: Không có; Tiền sự: Không có; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/3/2022 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Cao Việt N:* Luật sư Võ Thanh L – Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh bào chữa cho bị cáo theo chỉ định (có mặt).

4/ **Phạm Thị Thúy H**, sinh ngày 19/10/1995 tại Trà Vinh; Nơi cư trú: 3/11, đường N, khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Th, sinh năm 1972 và bà Trần Thị T, sinh năm 1972; có chồng và 02 người con; Tiền án: 01 tiền án, ngày 30/9/2022 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “ tàng trữ trái phép chất ma túy”; Tiền sự: Không có; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/4/2022 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Thúy H:* Luật sư Nguyễn Tấn L – Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Bị hại:* Chị Lý Thị Thanh O; Sinh năm: 1989. Nơi cư trú: ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Anh Trần Quốc I, sinh năm: 1987. Nơi cư trú: khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2/ Bà Trần Thị Ê, Sinh năm: 1978. Nơi cư trú: ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

3/ Anh Nguyễn Văn Ô, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Tổ A, ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

4/ Bà Trần Thị Q, sinh năm: 1972. Nơi cư trú: ấp Q, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

5/ Anh Võ Hồng C, Sinh năm: 1987. Nơi cư trú: ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người làm chứng*

1/ Anh Đỗ Nhật K, sinh năm: 1998. Nơi cư trú: ấp L, xã V, huyện D, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

2/ Anh Lâm Vũ G, Sinh năm: 1993. Nơi cư trú: ấp Q, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3/ Anh Lâm Văn A, sinh năm: 1981. Nơi cư trú: số Z, khóm B, phường M, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

4/ Chị Bùi Kim Th, sinh năm: 1993. Nơi cư trú: ấp B, xã N, huyện H, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Chị Lý Thị Thanh O, sinh năm: 1989, trú tại: ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh và bà Lâm Thị U, sinh ngày: 15/9/1967; Quốc tịch: Cộng hòa liên bang Đức có quan hệ họ hàng với nhau (chồng của bà U và mẹ của O là anh em chú bác ruột). Vào khoảng năm 2020, bà U có về Việt Nam sau đó mua một căn nhà của anh Phạm Công T, sinh năm: 1982, thuộc ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh với giá 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng), căn nhà này gần với nhà cha ruột của O là ông Lý Văn Ô, sinh năm: 1968, cư trú ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh (trước đây O cũng có ý định mua nhưng do giá cao O không có đủ tiền). Sau khi bà U xuất cảnh về Đức, bà U gửi tiền về nhờ bà Lâm Thị B, sinh Năm 1968, cư trú: ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh trả tiền và đứng tên sở hữu giúp. Khoảng bốn đến năm tháng sau, bà B không có gửi ảnh hay giấy tờ nhà, đất cho bà U làm bà U giận nên liên lạc với O kêu O mua lại nhà, đất nêu trên với giá 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng), O nói là không có tiền mua nên bà U kêu O đứng tên giúp đi khi nào có tiền thì trả cho bà U thì O đồng ý sau đó bà B sang tên giấy tờ nhà, đất cho O đứng tên sở hữu. Khoảng hai tháng sau, O hỏi bà U bán lại nhà, đất nêu trên với giá bao nhiêu để O trả tiền, thì lúc này bà U nói bán với giá 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng) nên cả hai xảy ra mâu thuẫn, cự cãi. O tức giận nói với bà U tìm ai đứng tên sở hữu nhà, đất đi chứ O không đứng tên dùm nữa, bà U năn nỉ nhưng O kiên quyết không đồng ý.

Đến tháng 12 năm 2020 bà U điện thoại kêu O sang tên cho bà Lâm Thị Phương S, sinh Năm 1977, cư trú: ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh đứng tên sở hữu nên O tiến hành sang tên cho bà S đứng tên cho đến nay. Từ mâu thuẫn nêu trên, đến khoảng đầu tháng 01 năm 2022 bà U nhắn tin cho bị cáo Phạm Thị Thúy H, sinh năm: 1995 cư trú khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh bằng ứng dụng Messenger của Facebook nói với H là O thiếu nợ tiền của bà U không trả tiền mà còn chửi bới, thách thức bà U nên bà U rất ghét và tức giận đối với O, bà U nhờ H tìm thuê người gây thương tích để cho O đi nhập viện sẽ trả tiền công là 5000 euro, nghe bà U nói vậy thì H đồng ý giúp bà U tìm người gây thương tích đối với bị hại O.

Vào khoảng cuối tháng 01 năm 2022, bị cáo Cao Việt N (Cóc), sinh năm: 1995, cư trú ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh đến nhà bị cáo H tại khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh chơi thì H nói cho bị cáo N biết có người bà con

của H tên U, Việt kiều Đức, muốn tìm người gây thương tích cho chị Lý Thị Thanh O, sinh năm: 1989 là chủ quán cà phê “Xìn” ở ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh phải nhập viện với giá 5000 euro, lý do là chị O thiếu nợ tiền bà U không trả mà O còn thách thức bà U. Bị cáo H muốn bị cáo N thực hiện nên hỏi “có làm được không?” thì bị cáo N trả lời “để tìm người thực hiện”, nghe vậy H dùng điện thoại của mình mở hình ảnh của bị hại O cho N xem biết mặt để thực hiện.

Sau đó một, hai ngày bị cáo N gặp bị cáo Đào Vang Đ, (tên gọi khác là Chuột) sinh năm: 1995, cư trú ấp Q, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh nói cho bị cáo Đ biết việc bị cáo H thuê gây thương tích cho O thì bị cáo Đ đồng ý tham gia nhưng không dám là người trực tiếp thực hiện việc gây thương tích cho bị hại O. Đến ngày 07/02/2022, bị cáo N điện thoại cho bị cáo Nguyễn Hoàng P, sinh năm: 1993, cư trú: ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương là bạn mà N quen biết trước đây khi đi làm thuê ở thành phố Hồ Chí Minh là đối tượng vừa mới ra tù nói cho bị cáo P biết việc bị cáo H thuê gây thương tích cho bị hại O sẽ trả tiền công 5000 euro rủ Phúc thực hiện thì P đồng ý sẽ là người trực tiếp thực hiện và hẹn vào ngày 09/02/2022 Phúc sẽ xuống tỉnh Trà Vinh để thực hiện nên N nói cho Đào Vang Đ biết khi nào Phúc xuống thì sẽ kêu Đ đi rước.

Đến khoảng 11 giờ ngày 09/02/2022, bị cáo P đi xe khách về đến bến xe huyện C, tỉnh Trà Vinh và điện thoại cho N ra đón, N kêu Đ lấy xe mô tô loại wave do N mượn của cô ruột đưa cho Đ kêu Đ chạy đi rước P về nhà chú ruột của N là Cao Văn U (còn gọi là U), cư trú ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Tại đây N, với P, Đ bàn tính việc gây thương tích cho chủ quán cà phê xìn cho người này phải nhập viện thì P nói vậy thì dùng dao đâm”, bị cáo N nói với bị cáo P “đâm nặng lắm chém hay đánh cho O nhập viện được rồi, P nói để P làm thì cả nhóm thống nhất, sau đó N phân công P là người trực tiếp thực hiện hành vi gây thương tích cho chị O, Đ thì tìm mượn xe mô tô chở P đi đến quán của O để thực hiện việc gây thương cho O và chở P tẩu thoát, còn N sẽ tìm thuê xe ô tô để chở P về tỉnh Bình Dương sau khi gây án. Ngoài ra N còn dặn Đ sau khi P gây thương tích cho O xong thì điều khiển xe mô tô chở P lên khu vực nhà anh Lâm Văn A Sinh năm 1981, ở khóm B, phường M, Thành phố T để cho P về Bình Dương, cả nhóm thống nhất ngày hôm sau ngày 10 tháng 2 năm 2022 sẽ thực hiện hành vi phạm tội. sau đó vào chiều cùng ngày N chở P vào nhà của H chơi, để cho P biết chị H là người thuê gây thương tích cho người phụ nữ bán quán cà phê với giá 5000 euro và giới thiệu cho chị H biết P là bạn của bị cáo ở Bình Dương sẽ là người trực tiếp gây thương tích cho O sau đó N mượn xe của H để chở P về nhà ngủ.

Đến khoảng 08 giờ sáng ngày 10/02/2022, bị cáo N sử dụng xe mô tô mượn của bị cáo H hôm trước chở bị cáo P đến đầu chợ huyện C, tỉnh Trà Vinh để P mua một cây dao Thái Lan (đặc điểm cán dao bằng nhựa màu vàng, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng có một cạnh sắc, mũi dao nhọn tổng chiều dài của dao khoảng 20cm, bề rộng nhất của lưỡi dao khoảng 02cm) của một người bán dụng cụ nấu bếp ven đường (bán dạo) với giá 25.000.đ và trả tiền xong N chở P vào nhà của H, để đổi xe lại rồi chở P về nhà.

Đến khoảng 09 giờ ngày hôm sau ngày 10/02/2022 N kêu Đ chạy xe mô tô đến quán cà phê “Xin” xem bị hại O có ở quán hay không, sau đó Đ về báo lại cho N và P biết là O đang có ở quán lúc này N kêu Đ tìm xe mô tô khác và dặn khi nào mượn được xe rồi thì lấy biển số xe khác mà bị cáo N lượn được trước đây, để sẵn trên đầu tủ của nhà chú U để thay vào xe mượn được để chở P đi gây án, để tránh bị phát hiện, nên Đ đã gọi điện thoại cho một người bạn tên Lâm Vũ G, sinh năm: 1993, cư trú ấp Q, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu đen đỏ, biển số: 84E1-390.85 màu đen đỏ (xe này do anh ruột của Lâm Vũ G là Lâm Hoàng X, sinh năm: 1982, cư trú ấp Q, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh là chủ sở hữu), để đi công chuyện. Đến khoảng 14 giờ chiều ngày 10/02/2023 N chạy xe honda chở G đi uống cà phê, đối diện chùa V, thuộc ấp Đ, xã H, huyện C, và dặn P với Đ ở nhà N chờ có gì N điện thoại cho hay để thực hiện, nên P với Đ ở nhà N chờ đến khoảng 15 giờ thì G chạy xe đến đưa cho Đ mượn, Đ lấy biển số xe của N đã chuẩn bị sẵn để trên đầu tủ của nhà chú U thay vào xe của G để đi gây án. Trong lúc uống cà phê tại quán bị cáo N điện thoại cho Trần Quốc I, sinh năm: 1987, cư trú Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (chồng của bị cáo H) hỏi mượn xe ô tô nhãn hiệu toyota Fortuner biển số: 84A- 02920 do anh I kêu Đỗ Nhật K sinh năm 1998, ngụ ấp L, xã V, huyện D, tỉnh Trà Vinh, K là người làm của anh I thuê của ông Nguyễn Văn M trước đó và nói để đi công chuyện và N nhờ anh I kêu K chở bị cáo đi công chuyện thì I kêu N hỏi K có chịu đi không, nên N điện thoại nhờ K chạy xe ô tô lên chỗ chùa V trên H chở N đi công chuyện một chút. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, khi K điều khiển xe ô tô nêu trên đến lộ trước chùa V, N kêu K chở N đi công việc, gần tới khu vực có quán cà phê của chị O, N kêu K chạy chậm lại, để coi chị O có ở quán hay không, thì K hỏi N để làm gì “thì N nhìn vào quán cà phê của O) nói “ Có bà nước ngoài mượn nhờ bị cáo xử bà chủ quán này nè”, nghe vậy K nghĩ bị cáo N muốn tổ chức đánh bà chủ quán cà phê này, sau đó K chạy qua khỏi quán, tới quán phở T thì N kêu K quay xe lại chạy về hướng Trà Vinh dừng xe trước chùa V và ngồi trên xe, còn bị cáo N xuống xe dùng điện thoại gọi cho P biết là O đang có ở quán cà phê để cho Đ và P biết đi thực hiện hành vi phạm tội như đã bàn trước, rồi N đứng trước cổng chùa đợi.

Khi nghe N cho hay, thì Đ chạy xe mô tô Vison chở bị cáo P ngồi sau, đến quán cà phê “Xin”, khi đi P mặc áo thun ngắn tay màu đen, quần dài bằng vải jean màu đen, đội mũ bảo hiểm màu trắng có sọc đỏ ở giữa, đeo khẩu trang y tế màu xanh, mang dép kẹp, còn Đ mặc áo khoác sọc caro đỏ, đen, trắng; đội nón bảo hiểm màu vàng, đeo khẩu trang y tế màu trắng, mặc quần dài bằng vải jean màu đen, mang dép kẹp. Khi đến quán cà phê “Xin”, bị cáo Đ đậu xe trước quán và ngồi trên xe chờ và cho xe nổ máy sẵn, còn P đi bộ vào quán đứng trước quầy bán hàng để tiếp cận bị hại O. Khi gặp bị hại O, P kêu làm 02 (hai) ly cà phê mang đi và 01 (một) gói thuốc Zet, lúc O đang pha cà phê thì P xin được vào bên trong quán để rửa tay ở lavabo phía bên trong quầy bán hàng gần nơi bị hại O đứng bán cách khoảng 2m, khi chị O đưa gói thuốc hút và tiền thoái lại cho P lấy bỏ vô túi quần của P, chị O còn cầm 02 ly cà phê để trong 2 ly mũ để đưa cho P, chưa đưa thì P lấy cây dao thái lan cán vàng bị cáo giấu trong quần jean

phía trước ra cầm trên tay phải đâm một cái trướng vào phía trước vùng bụng của chị O đang đứng đối diện trước mặt bị cáo, theo hướng từ trước ra sau , sau đó P rút dao ra cầm trên tay phải bỏ chạy ra xe do Đ chờ sẵn trước cửa quán nhảy lên xe cho Đ chở tẩu thoát, do bị đâm chị O la lên một tiếng, anh Võ Hồng C, sinh năm 1987 (là chồng của chị) trong quán nghe la phát hiện chạy ra đuổi theo nhưng không kịp, Đ chở P chạy về hướng thành phố T tẩu thoát, anh C quay lại thì thấy chị O đang đứng ôm vết thương ở bụng chảy máu nên gia đình đưa đến bệnh viện Đa Khoa Trà Vinh cấp cứu.

Còn Đ sau đó chạy xe chở P bỏ chạy khỏi hiện trường, trên đường tẩu thoát về hướng thành phố T khi ngang qua cầu (không rõ cầu thứ mấy) P ném bỏ cây dao là hung khí gây án xuống kênh để phi tang. Khi Đ chở P ngang chùa V thì N nhìn thấy nên kêu K chạy xe ô tô chở N chạy theo sau. Đ chở P đến khu vực đầu hẻm gần nhà của anh Lâm Văn A, sinh năm 1981, cư trú khóm B, phường M, thành phố T thì P xuống xe đi vào nhà anh A thay bộ quần, áo đã mặc khi gây án ra đưa cho bị cáo Đ và mặc bộ quần, áo đã chuẩn bị trước đó vào, Đ cũng cởi bỏ áo khoác sọc caro màu đỏ đen trắng, nón bảo hiểm màu vàng và thay lại biển số 84K7- 4049 rồi bỏ tất cả vào bọc nylon đen, khoảng 05 phút sau thì K chạy xe ô tô chở bị cáo N lên tới, Đ đưa bọc nylon màu đen đựng quần áo và nón của P và Đ cho bị cáo N nhờ ném bỏ dùm rồi N kêu K chạy xe ô tô chở P về tỉnh Bình Dương. Sau khi K chở bị cáo P đi thì G gọi điện cho Đ để lấy lại xe, nên Đ kêu G chạy xe lên thành phố T để đổi xe, sau đó Đ điều khiển xe Vison mượn của G đến tòa nhà Viettel tại phường M, thành phố T để trả lại cho G và lấy xe Wave do G đưa lại chạy về khu vực nhà anh A đưa cho bị cáo N chạy về nhà, còn Anh K khi điều khiển xe chở bị cáo P đến khu vực huyện B, tỉnh Long An thì K nói chạy hết nổi nên dừng xe lại cho P xuống, P đưa cho K 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nói cho tiền xăng, sau đó K vòng xe lại chạy về tỉnh Trà Vinh đến đầu hẻm đường vô nhà anh A rước bị cáo Đ về huyện C và đi trả xe ô tô.

Sau khi gây án xong, khi P lên xe để cho K chở về Tây Ninh, thì P có điện thoại kêu N đưa tiền trước cho về Tây Ninh, đồng thời P sử dụng điện thoại gửi tin nhắn đến máy điện thoại của N cho N biết số tài khoản của Bùi Kim Th, sinh năm 1993, mở tại ngân hàng Sacombank mà P mượn của Th quản lý sử dụng để N chuyển tiền sang cho P nên N cho H biết để kêu H chuyển tiền sang cho P trước 3.000.000đ, sau đó khoảng 3 đến 4 ngày, P kêu N cho P biết số điện thoại của H, rồi P sử dụng điện thoại Oppo của P sim số là 0906291949 liên lạc với bị cáo H (bị can P không nhớ rõ, sim số của H sử dụng) để kêu H chuyển tiền tiếp sang tài khoản của Th cho P nhận để tiêu xài, thì H chuyển tiền sang số tài khoản của Th nêu trên cho P tiếp số tiền 5.000.000đ, đồng thời H đã đưa trước cho Đ 9.000.000 đ và N 13.000.000đ, tổng cộng 22.000.000đ. Sau Đó bị cáo H điện thoại cho bà Lâm Thị U hay tin và yêu cầu bà U chuyển tiền để trả công gây thương tích. Đến ngày 04/3/2022, bà U chuyển tiền vào tài khoản của bị cáo H 4000 Euro, H đi đến Ngân hàng Sacombank chi nhánh C đổi thành tiền Việt Nam được 94.000.000đ (Chín mươi bốn triệu đồng). Sau khi trừ tiền mà bị cáo H đã chuyển cho bị cáo P sau khi gây án hai lần với số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) và 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) mà bị cáo N và bị cáo Đ ứng

trước từ bị cáo H sau khi gây án (bị cáo N ứng 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng), bị cáo Đ ứng 9.000.000đ (Chín triệu đồng) nên bị cáo H đưa cho bị cáo N số tiền còn lại là 64.000.000đ (Sáu mươi bốn triệu đồng) và nói còn 1000Euro khi nào bà U gửi về sẽ đưa thêm cho bị cáo N. Sau khi nhận tiền từ H, N đưa cho Đ số tiền là 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng), N chuyển tiền cho P hai lần với số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Như vậy bị cáo N hưởng số tiền 51.500.000đ (Năm mươi một triệu năm trăm nghìn đồng), bị cáo Đ hưởng được số tiền 19.500.000đ (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng), bị cáo P hưởng được số tiền 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng). Riêng bị cáo H, bà U hứa sẽ cho tiền H sau khi thực hiện xong việc gây thương tích cho chị O nhưng không nói là bao nhiêu tiền và cũng chưa gửi về cho H. Đến 9 giờ 10 phút ngày 29/3/2022 bị cáo Đ đến công an huyện C đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình và các đồng phạm Cao Việt N và Nguyễn Hoàng P.

- Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia loại bàn phím (Nokia 105) được gắn sim số 0383.730.164;
- 01 (một) tờ giấy tập có ghi nhiều nội dung, chữ số trong đó có nội dung “Chuộc Cóc 0383.730.164”;
- 01 (một) tờ phiếu thu của Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel, người nộp Phạm Thị Thúy H số điện thoại;
- 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô (bản photo) xe máy tên Phạm Thị Thúy H có chữ viết tay nội dung “Số TK 070116315295 Sacombank”;
- 01 (một) thẻ ngân hàng PHAM THỊ THUY H số tài khoản 070116315295 màu vàng sậm của ngân hàng Sacombank;
- 01 (một) điện thoại di động cảm ứng hiệu ViVo mặt lưng điện thoại màu xanh nhạt có dòng chữ ViVo; (một) điện thoại di động cảm ứng hiệu OPPO, mặt lưng màu trắng xanh; thu giữ của bị cáo H khi khám xét ngày 06/4/2022.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, 105, màu đen loại bàn phím, dưới màn hình và mặt sau của điện thoại có dòng chữ “NOKIA”, số IMEI: 35733250602 1681, IMEI: 35733256057680 (thu giữ của bị cáo H khi khám xét ngày 05/4/2022).
- 01 (một) sổ bì cứng màu xanh lá bên trong có kẹp 02 (hai) tờ biên lai là “phiếu mua bán hàng ngoại tệ và giấy rút tiền do Sacombank C phát hành;
- 01 (một) điện thoại di động cảm ứng hiệu OPPO, A59s mặt lưng màu trắng xanh, có dòng chữ OPPO; thu giữ của bị cáo P ngày 31/3/2022.
- Còn 01 (một) đĩa DVD-R nhãn hiệu maxell là phương tiện lưu trữ dữ liệu điện tử được sao lưu từ đầu thu camera của gia đình bị hại Lý Thị Thanh O, đĩa DVD-R này được bảo quản như đối với vật chứng và sẽ chuyển cùng với hồ sơ vụ án.

Trả lại tài sản cho chủ sở hữu ông Lâm Hoàng X, sinh năm 1982 cư trú ấp Nhất A, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh gồm một xe mô tô biển số 84 E1-39085, nhãn hiệu Honda loại vision, màu đỏ đen, số máy jF6 CE0847367, số khung 5815GY 815478, một giấy đăng ký xe mô tô biển số 84E 1-39085 theo quyết

định xử lý đồ vật tài sản số 01 ngày 17/01/2023 của cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Trà Vinh.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 24/22/TgT ngày 25/02/2022 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Trà Vinh kết luận thương tích của chị Lý Thị Thanh O tại thời điểm giám định: Vết thương thủng hai mặt dạ dày, thủng thân tụy do đâm, do ngoại lực tác động trực tiếp. Vật gây ra thương tích trên là: Vật cứng có cạnh sắc, nhọn, Hướng từ sau ra trước. Tỷ lệ tổn hại sức khỏe là 57% (Năm mươi bảy phần trăm);

Tại bản cáo trạng số: 14/CT-VKS-P1 ngày 17/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng P về tội “Giết người” theo quy định tại điểm m, n, p khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự, bị cáo Cao Việt N, bị cáo Đào Vang Đ, bị cáo Phạm Thị Thúy H về tội “Giết người” theo quy định tại điểm m khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Hoàng P, bị cáo Cao Việt N, bị cáo Đào Vang Đ, bị cáo Phạm Thị Thúy H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo thừa nhận Bản cáo trạng mô tả và truy tố các bị cáo về tội “Giết người” là đúng với hành vi của các bị cáo đã thực hiện, không oan, không sai. Các bị cáo không khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử.

Về trách nhiệm dân sự tại phiên tòa hôm nay bị hại Lý Thị Thanh O yêu cầu các bị cáo bồi thường chi phí điều trị, chi phí đi lại, tiền ngày công lao động, tiền công nuôi bệnh, tiền mất thu nhập do ngưng kinh doanh và tiền tổn thất tinh thần tổng số tiền 203.157.000 đồng, tại phiên tòa hôm nay các bị cáo tự nguyện đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại Lý Thị Thanh O.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh. Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng, đối chất công khai tại phiên tòa Kiểm sát viên quyết định giữ nguyên nội dung Bản cáo trạng của viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng P, bị cáo Cao Việt N, bị cáo Đào Vang Đ, bị cáo Phạm Thị Thúy H về tội danh “Giết người” và tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên bổ sung Bản cáo trạng về tình tiết định khung phạm tội “có tổ chức” theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo P, bị cáo N, bị cáo Đ và phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo Đào Vang Đ, Cao Việt N, Nguyễn Hoàng P, Phạm Thị Thúy H.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm o, m, n, p khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng P từ 15 năm đến 17 năm tù. Áp dụng điểm o, m khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Cao Việt N từ 13 năm đến 15 năm tù, xử phạt bị cáo Đào Vang Đ từ 13 năm đến 15 năm tù. Áp dụng điểm m khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình

sự xử phạt bị cáo Phạm Thị Thúy H từ 11 năm tù đến 13 năm tù. Áp dụng Điều 56, Điều 104 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2022/HSST, ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh, xử phạt bị cáo Phạm Thị Thúy H 01 (năm) 06 (sáu) tháng tù về tội “ tàng trữ trái phép chất ma túy”. Buộc bị cáo Phạm Thị Thúy H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng đến 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại Lý Thị Thanh O, buộc các bị cáo nộp số tiền phạm tội mà có sung vào ngân sách nhà nước, đề nghị giao cho Cục thi hành án Dân sự tỉnh Trà Vinh tiếp tục quản lý số tiền mà gia đình các bị cáo đã nộp khắc phục để đảm bảo thi hành án. Ngoài ra, Vị kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về vật chứng, án phí, giành quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng P, bị cáo Cao Việt N, bị cáo Đào Vang Đ: Vị nhất trí với tội danh và điều khoản mà Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh truy tố và quan điểm Kiểm sát viên bổ sung tại phiên tòa hôm nay đối với bị cáo P, bị cáo N, bị cáo Đ phạm tội “có tổ chức” theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về tình tiết giảm nhẹ như sau: khi phạm tội bị cáo Đào Vang Đ đã ra đầu thú, quá trình điều tra các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo có tác động gia đình khắc phục hậu quả cho bị hại, tại phiên tòa hôm nay bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bị cáo N, bị cáo Đ có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, gia đình bị cáo N có công với Cách mạng, các bị cáo phạm tội chưa đạt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo mức thấp nhất mà Vị kiểm sát viên đề nghị. Về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện giữa các bị cáo và bị hại.

Quan điểm người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Thúy H: Vị nhất trí với tội danh và điều khoản mà Bản cáo trạng đã truy tố bị cáo và quan điểm kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay. Về tình tiết giảm nhẹ đề nghị Hội đồng xét xử khi áp dụng hình phạt xem xét cho bị cáo H như sau: Sau khi phạm tội bị cáo ăn năn hối cải việc làm của mình, tác động gia đình khắc phục hậu quả cho bị hại, bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo đang nuôi con nhỏ, nhận thức hạn chế, tại phiên tòa hôm nay bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo phạm tội chưa đạt, do bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ không có tình tiết tăng nặng cho nên bị cáo đủ điều kiện áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 07 năm tù. Về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện giữa bị cáo và bị hại, chia điều trách nhiệm bồi thường dân sự cho từng bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Cao Việt N, bị cáo Nguyễn Hoàng P, bị cáo Đào Vang Đ: Xin lỗi bị hại, các bị cáo ăn năn hối cải mong Hội đồng xét xử

xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm về với gia đình và làm lại cuộc đời.

Lời nói sau cùng của bị cáo Phạm Thị Thúy H: Xin lỗi bị hại mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo để bị cáo sớm về lo cho con bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát, những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa hôm nay Vị kiểm sát viên trình bày luận tội bổ sung truy tố đối với bị cáo Nguyễn Hoàng P, bị cáo Cao Việt N, bị cáo Đào Vang Đ tình tiết định khung tại điểm o khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự. Xét thấy lời khai các bị cáo có trong hồ sơ vụ án, qua tranh tụng công khai tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét thấy việc bổ sung của Vị kiểm sát viên đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định pháp luật, bởi việc bổ sung thêm tình tiết định khung tại điểm o nằm trong khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận việc bổ sung của kiểm sát viên.

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thừa nhận Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh mô tả và cũng nhưng tranh tụng tại phiên tòa: Bà Lâm Thị U là việt kiều Đức nhờ bị cáo Phạm Thị Thúy H tìm thuê người để gây thương tích cho chị Lý Thị Thanh O phải nhập viện với giá 5000 euro, nên bị cáo H đã nhận lời, bị cáo H nói cho bị cáo Cao Việt N biết và hỏi bị cáo N có làm được không thì bị cáo N nói để tìm người làm, sau đó bị cáo N liên hệ với bị cáo P và rủ bị cáo Đ tham gia, các bị cáo bàn bạc thống nhất với nhau để gây án, kết quả gây thương tích của chị Lý Thị Thanh O với tỷ lệ thương tích là 57%. Lời khai này của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, hình ảnh camera ghi nhận và kết quả cho nhận dạng, bản mô phỏng vật chứng cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với thương tích trên người chị O và kết luận giám định pháp y về thương tích số 24/22/TgT ngày 25/02/2022 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Trà Vinh kết luận thương tích của chị Lý Thị Thanh O với tỷ lệ tổn hại sức khỏe là 57%, các bị cáo cũng thừa nhận lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là do các bị cáo tự khai đúng với hành vi các bị cáo đã thực hiện, không do tác động bởi ý chí áp đặt của cơ quan điều tra và Điều tra viên, do đó các lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra không bị cơ quan điều tra móm cung, dụ cung, hướng cung hay dùng nhục hình mà đều do các bị cáo tự nguyện khai đúng hành vi thực hiện của các bị cáo. Do đó, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh và quan điểm luận tội bổ sung của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng P về tội “Giết

người” theo quy định tại điểm o, m, n, p khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự, bị cáo Đào Vang Đ, Cao Việt N về tội “Giết người” theo quy định tại điểm o, m khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự; bị cáo Phạm Thị Thúy H về tội “Giết người” theo quy định tại điểm m khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là phù hợp với hành vi các bị cáo thực hiện và đúng quy định của pháp luật về các tình tiết định khung hình phạt kể cả tội danh.

[2] Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật, được pháp luật hình sự bảo vệ, giữa các bị cáo và bị hại hoàn toàn không có mâu thuẫn, động cơ mục đích bị cáo Đào Vang Đ, bị cáo Cao Việt N, bị cáo Nguyễn Hoàng P thực hiện hành vi phạm tội là vì muốn có số tiền bà U thuê 5.000 euro để tiêu xài cá nhân, còn bị cáo Phạm Thị Thúy H là vì ơn nghĩa và hứa hẹn bà U cho tiền, mà bà U đã thuê các bị cáo đã dùng dao đâm vào vùng nguy hiểm trên người chị O gây thương tích tỷ lệ thương tích 57%, nếu chị O ở xa bệnh viện không được cấp cứu kịp thời là tính mạng khó giữ được, cho thấy hành vi của các bị cáo thể hiện xem nhẹ tính mạng của người khác, xem thường pháp luật, gây ảnh hưởng đặc biệt xấu đến an ninh trật tự ở địa phương, tạo ra sự hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, gây bất bình trong dư luận xã hội. Trong số các bị cáo có bị cáo Nguyễn Hoàng P có nhân thân xấu vì đã có 02 tiền án ngày 30 tháng 8 năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản”. Ngày 30 tháng 8 năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” bị cáo mới chấp hành hình phạt xong, bị cáo Phạm Thị Thúy H đã có một bản án có hiệu lực pháp luật trước khi thực hiện tội phạm lần này, nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

[3] Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo Đào Vang Đ, bị cáo Cao Việt N, bị cáo Nguyễn Hoàng P trước khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có sự bàn bạc phân công vai trò, nhiệm vụ của từng bị cáo trong vụ án và hành vi có sự cấu kết chặt chẽ lẫn nhau trong chuỗi hành vi phạm tội từ khi chuẩn bị thực hiện cho đến khi tội phạm hoàn thành, do đó cần phân hóa vai trò của từng bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội để áp dụng hình phạt cho phù hợp với từng bị cáo.

[3.1] Bị cáo Phạm Thị Thúy H là người đứng ra thuê mướn bị cáo Cao Việt N tìm người thực hiện tội phạm nhằm hưởng lợi và trả ơn cho bà U, sau khi thực hiện hành vi gây thương tích cho chị O, bị cáo là người đứng ra điện thoại và nhận tiền từ bà U chuyển tiền từ nước ngoài về đổi sang tiền Việt Nam rồi thanh toán tiền thuê 94.000.0000 đồng cho bị cáo Cao Việt N, khi bị cáo thuê gây thương tích không có nói gây thương tích như thế nào trên cơ thể của chị O nên bị cáo phải chấp nhận hành vi và hậu quả gây cho chị O do các bị cáo khác gây ra, nên hành vi của bị cáo H cần phải xử lý nghiêm.

[3.2] Bị cáo Cao Việt N tuy không trực tiếp dùng dao đâm chị O nhưng theo yêu cầu của bị cáo H thì bị cáo N nhận lời và đã tích cực điện thoại rủ rê, lôi kéo bị cáo Đ và bị cáo P cùng tham gia và bị cáo là người đứng ra phân công nhiệm vụ cụ thể vai trò của từng bị cáo đi gây án và đưa ra kế hoạch tẩu thoát và chở bị cáo P mua dao Thái Lan, cung cấp biển số xe để bị cáo Đ thay khi gây án, bị cáo N trực tiếp nhận số tiền 94.000.000 đồng từ bị cáo H để trả tiền công cho bị cáo P và bị cáo Đ và bị cáo là người hưởng lợi số tiền nhiều nhất là 51.500.000 đồng, do đó bị cáo tham gia trong vụ án này với vai trò người tổ chức và giúp sức tích cực trong vụ án nên cần xử lý nghiêm.

[3.3] Bị cáo Đào Vang Đ khi nghe bị cáo N rủ tham gia gây thương tích cho chị O mặc dù không quen, không biết và không mâu thuẫn nhưng bị cáo đồng ý và trước khi thực hiện hành vi bị cáo cùng với bị cáo N và bị cáo P cùng nhau bàn bạc và tham gia tích cực theo sự phân công nhiệm vụ của bị cáo N và là người trực tiếp mượn xe làm phương tiện, trực tiếp thay biển số xe giả và chở bị cáo P đi thực hiện tội phạm để được trả công số tiền 19.500.000 đồng, bị cáo tham gia phạm tội trong vụ án với vai trò giúp sức tích cực trong vụ án nên cần xử lý nghiêm.

[3.4] Bị cáo Nguyễn Hoàng P khi nghe bị cáo N điện thoại rủ tham gia gây thương tích cho chị O mặc dù không quen, không biết và không mâu thuẫn và ở rất xa nhưng vẫn đồng ý, trước khi thực hiện hành vi cùng bị cáo Đ, bị cáo N cùng nhau bàn bạc phân công vai trò của từng bị cáo theo phân công của bị cáo N, bị cáo là người mua dao và thực hiện hành vi đâm chị O gây thương tích tỷ lệ 57% để hưởng lợi số tiền 23.000.000 đồng, do đó bị cáo tham gia phạm tội với vai trò là người thực hành trong vụ án, bị cáo đã có hai tiền án mới chấp hành hình phạt xong không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện bị cáo rất xem thường pháp luật nên cần phải xử lý nghiêm.

Tuy nhiên, khi quyết định áp dụng hình phạt cũng cần xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo để đảm bảo tính toàn diện, khách quan hậu quả của từng bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Hoàng P, bị cáo Phạm Thị Thúy H, bị cáo Cao Việt N, bị cáo Đào Vang Đ không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nguyễn Hoàng P, bị cáo Phạm Thị Thúy H, bị cáo Đào Việt N, bị cáo Cao Vang Đ thật thà khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình khắc một phần hậu quả; bị cáo Phạm Thị Thúy H, bị cáo Đào Việt N, bị cáo Cao Vang Đ chưa có tiền án, tiền sự bị cáo Đ tự ra đầu thú, bị cáo N gia đình có công cách mạng, bị cáo H đang nuôi con nhỏ, tại phiên tòa hôm nay bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với bà Lâm Thị U: Ngày 14/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C có Công văn số 63/ĐTTH gửi đến Phòng Quản lý xuất nhập cảnh

(PA08) Công an tỉnh Trà Vinh về việc xác định nhân thân, nơi cư trú của đối tượng Lâm Thị U. Kết quả sau khi kiểm tra, rà soát ngày 24/5/2022 Phòng Quản lý xuất nhập cảnh (PA08) Công an tỉnh Trà Vinh có công văn số 189/PA08 trả lời với nội dung: LÂM THỊ U, sinh ngày 15/9/1967; quốc tịch: Cộng hòa liên bang Đức, hộ chiếu số CG8RVVFZ3. Đang sự nhập cảnh Việt Nam lần gần nhất vào ngày 04/01/2020 nhưng không có khai báo tạm trú tại tỉnh Trà Vinh và đã xuất cảnh ngày 30/01/2020 đến nay chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Ngày 06/7/2022 Sở ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh có Công văn 2695/SNV-LS-QHLS về việc phúc đáp Công văn số 189/CV-CSHSN ngày 28/6/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Trà Vinh như sau: Cho đến nay, Việt Nam chưa ký kết Hiệp định tương trợ Tư pháp về Hình sự với Cộng hòa Liên bang Đức. Do đó hành vi của Lâm Thị U sẽ được điều tra, xử lý sau khi bà U trở về Việt Nam.

Đối với Lâm Vũ G khi cho bị cáo Đ mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu đen đỏ, biển số: 84E1-390.85 màu đen đỏ (xe này do anh là Lâm Hoàng X, sinh năm: 1982, cư trú ấp Q, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh anh ruột của G đứng tên là chủ sở hữu), G không biết Đ sử dụng chở P đi gây án vì Đ nói mượn để đi công chuyện anh Hoàng cũng không biết, nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối G và anh Lâm Hoàng X

Đối với ông Cao Văn U khi bị cáo N kêu Đ chở P về ở nhà của ông U vào ngày 09/02/2022, cùng N, U bàn bạc thực hiện phạm tội, cho đến khi đi gây án, theo biên bản xác minh do Công an tỉnh Trà Vinh lập ngày 08/12/2022 do trước đó khoảng 10 năm ông U bị tai nạn giao thông bị chấn thương sọ não, có dấu hiệu bị bệnh tâm thần, thường xuyên bỏ nhà đi sống lang thang, cơ quan điều tra chưa làm việc được, nên không có cơ sở xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông U khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với Trần Quốc I và Đỗ Nhật K: khi anh I cho bị cáo N mượn xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fortuner, biển số 84Ak7-4049 thì trước đó xe này do anh I thuê của ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1975, ở cùng khóm, để sử dụng việc riêng của gia đình, cho đến khi N hỏi mượn xe của anh I thuê của ông Liêm trên thì N nói với anh I là mượn xe để đi công chuyện; cũng như sau khi anh Đại đồng ý cho mượn xe này, thì N nhờ anh I kêu K (là người làm công cho I) chạy xe trên đến chùa V để chở N đi công chuyện và K cũng khai như vậy (BL 752) K không có bàn bạc biết trước, N kêu K chở đi đến quán cà phê O để theo dõi bị hại O để báo cho P và Đ thực hiện hành vi phạm tội, vì trên đường đi, khi K chạy xe chở N chạy ngang qua quán cà phê của chị O thì N mới nhìn vào quán và nói với K có bà nước ngoài muốn xử chủ quán này, không rõ cách thức thực hiện ra sao, không có sự thỏa thuận, bàn bạc trước giữa K và anh I cho bị cáo N mượn xe và K sử dụng xe chở N đi để theo dõi và để giúp cho N và đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội và chở P về Bình Dương lẫn trốn sau khi gây án, nên không có cơ sở để xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với K và anh I.

Đối với Lâm Văn A: Chỉ quen biết với bị cáo N, nên sau khi thực hiện hành vi phạm tội, N hẹn Đ chở P đến khu vực nhà anh A, anh A không có biết và không có bàn bạc trước với các bị cáo khi, Khi N và P Đồng đến khu vực nhà anh A K đậu xe ô tô ngoài đầu hẻm, bị cáo N và Đ đi bộ vào khu vực nhà

anh cảnh để thay đồ, anh A không biết và N kêu chạy xe chở P trốn anh A không biết việc các bị cáo thực hiện tội phạm, nên không có cơ sở xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi không tố giác và che giấu tội phạm.

Đối với Bùi Kim Th do quen biết là bạn gái của P, từ ngày 31/01/2022 đến ngày 07/02/2022 khi P đến nhà Th chơi, Th cung cấp mã tài khoản ngân hàng của H tại ngân hàng X cho P biết và đưa thẻ ATM cho P mượn sử dụng, từ ngày 7/2/2022 vì P không có thẻ ATM và tài khoản ngân hàng, sau đó P rời khỏi nhà Th, khoảng 6 đến 7 ngày trở về, trả lại thẻ ATM cho Th, Th không biết trước P sử dụng để nhận tiền do phạm tội liên quan đến vụ án mà có nên không xét xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Th.

Đối với chị Hồ Thị Quỳnh T: Sau khi N và Đ thực hiện hành vi phạm tội đến ở tại nhà chị T và bỏ lại tại nhà 01 điện thoại di động hiệu Nokia, cho đến ngày chị T giao nộp, thì chị không biết bị cáo Đ, N sử dụng làm phương tiện liên lạc liên quan trong vụ án, không biết Việc Đ và N đã thực hiện hành vi phạm tội, không hứa hẹn trước việc chứa chấp các bị cáo và đồ vật liên quan trong vụ án nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng với quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tố tụng, của người bào chữa đều hợp pháp.

[5] Về biện pháp Tư pháp và xử lý vật chứng:

- 01 (một) tờ giấy tập có ghi nhiều nội dung, chữ số trong đó có nội dung “Chuộc Cóc 0383.730.164”

- 01 (một) tờ phiếu thu của Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel, người nộp Phạm Thị Thúy H số điện thoại;

- 01 (một) sổ bìa cứng màu xanh lá bên trong có kẹp 02 (hai) tờ biên lai là “phiếu mua bán hàng ngoại tệ và giấy rút tiền do Sacombank C phát hành;

Đây là các vật chứng liên quan trực tiếp đến việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia loại bàn phím (Nokia 105) được gắn sim số 0383.730.164 của bị cáo Đ.

- 01 (một) điện thoại di động cảm ứng hiệu OPPO, mặt lưng màu trắng xanh; thu giữ của bị cáo H khi khám xét ngày 06/4/2022.

- 01 (một) điện thoại di động cảm ứng hiệu OPPO, A59s mặt lưng màu trắng xanh, có dòng chữ OPPO; thu giữ của bị cáo P ngày 31/3/2022.

Những vật chứng trên đây liên quan trực tiếp đến việc các bị cáo dùng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội thuộc quyền sở hữu hợp pháp của

các bị cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô (bản photo) xe máy tên Phạm Thị Thúy H có chữ viết tay nội dung “Số TK 070116315295 Sacombank”;

- 01 (một) thẻ ngân hàng PHAM THỊ THUY H số tài khoản 070116315295 màu vàng sẫm của ngân hàng Sacombank;

- 01 (một) điện thoại di động cảm ứng hiệu ViVo mặt lưng điện thoại màu xanh nhạt có dòng chữ ViVo;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia (105).

Qua quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các vật chứng nêu trên không chứng minh được có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử tuyên giao trả lại cho bị cáo Phạm Thị Thúy H.

Số tiền các bị cáo phạm tội mà có buộc các bị cáo phải nộp sung vào ngân sách nhà nước.

Dữ liệu điện tử được sao lưu từ đầu thu camera của gia đình chị Lý Thị Thanh O, được sao lưu vào đĩa DVD-R đã được niêm phong liên quan trực tiếp hành vi phạm tội của bị cáo nên lưu vào hồ sơ vụ án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay bị hại Lý Thị Thanh O yêu cầu các bị cáo bồi thường chi phí điều trị, chi phí đi lại, tiền ngày công lao động, tiền công nuôi bệnh, tiền mất thu nhập do ngưng kinh doanh và tiền tổn thất tinh thần tổng số tiền 203.157.000 đồng các bị cáo tự nguyện thỏa thuận bồi thường theo yêu cầu bị hại. Xét thấy, việc thỏa thuận của các bị cáo và bị hại là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Đào Vang Đ, bị cáo Nguyễn Hoàng P, bị cáo Cao Việt N có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Đối với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Thúy H đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xét xử bị cáo H 07 năm tù là ở khung hình phạt khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự, tuy trong quá trình nghị án Hội đồng xét xử có cân nhắc xem xét, tuy nhiên lời đề nghị của người bào chữa Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ tình hình tội phạm thuê mướn người khác gây thương và giết người là hành vi đặc biệt nguy hiểm, vì vậy để đảm bảo phòng ngừa tội phạm cần phải xử lý bị cáo H mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng P, bị cáo Cao Việt N, bị cáo Đào Vang Đ, bị cáo Phạm Thị Thúy H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 268, Điều 269 và Điều 299 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng P, bị cáo Đào Vang Đ, bị cáo Cao Việt N, bị cáo Phạm Thị Thúy H phạm tội “Giết người”

Căn cứ vào điểm o, m, n, p khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng P 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/4/2022.

Căn cứ vào điểm o, m khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Cao Việt N 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/3/2022.

Xử phạt bị cáo Đào Vang Đ 13 (mười ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/3/2022.

Căn cứ vào điểm m khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 2 Điều 52; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thúy H 11 (mười một) năm tù.

Áp dụng Điều 56, Điều 104 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2022/HSST, ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh, xử phạt bị cáo 01 (năm) 06 (sáu) tháng tù về tội “ tàng trữ trái phép chất ma túy”. Buộc bị cáo Phạm Thị Thúy H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/4/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 13, khoản 1 Điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng P, bị cáo Đào Vang Đ, bị cáo Cao Việt N, bị cáo Phạm Thị Thúy H liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 203.157.000 đồng (*Hai trăm lẻ ba triệu một trăm năm mươi bảy nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Giao Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh tiếp tục quản lý số tiền bị cáo Nguyễn Hoàng P, bị cáo Đào Vang Đ, bị cáo Cao Việt N, bị cáo Phạm Thị Thúy

H tác động gia đình khắc phục hậu quả cho bị hại là: 4.000.000 đồng do bà Trần Thị Ê nộp theo biên lai thu số 0001679 ngày 26/8/2022; 3.000.000 đồng do anh Trần Quốc I nộp theo biên lai thu số 0002279 ngày 11/01/2023; 2.000.000 đồng do anh Nguyễn Văn Ô nộp theo biên lai thu số 0002268 ngày 15/12/2022; 2.000.000 đồng do anh Trần Thị U nộp theo biên lai thu số 0002708 ngày 07/4/2023 để đảm bảo thi hành án.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự tịch thu tiêu hủy gồm:

*** Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước:**

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia loại bàn phím (Nokia 105) được gắn sim số 0383.730.164 của bị cáo Đ.

- 01 (một) điện thoại di động cảm ứng hiệu OPPO, mặt lưng màu trắng xanh; thu giữ của bị cáo H khi khám xét ngày 06/4/2022.

- 01 (một) điện thoại di động cảm ứng hiệu OPPO, A59s mặt lưng màu trắng xanh, có dòng chữ OPPO; thu giữ của bị cáo P ngày 31/3/2022.

* Buộc bị cáo Cao Việt N nộp số tiền 31.500.000 đồng, bị cáo Đào Vang Đ nộp số tiền 19.500.000 đồng, bị cáo Nguyễn Hoàng P nộp số tiền 23.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

*** Tịch thu tiêu hủy:**

- 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô (bản photo) xe máy tên Phạm Thị Thúy H có chữ viết tay nội dung “Số TK 070116315295 Sacombank”;

- 01 (một) thẻ ngân hàng PHAM THỊ THUY HANG số tài khoản 070116315295 màu vàng sậm của ngân hàng Sacombank;

*** Trả lại cho bị cáo Phạm Thị Thúy H.**

- 01 (một) điện thoại di động cảm ứng hiệu ViVo mặt lưng điện thoại màu xanh nhạt có dòng chữ ViVo;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia (105)

- 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô (bản photo) xe máy tên Phạm Thị Thúy H có chữ viết tay nội dung “Số TK 070116315295 Sacombank”;

- 01 (một) thẻ ngân hàng PHAM THỊ THUY H số tài khoản 070116315295 màu vàng sậm của ngân hàng Sacombank;

Lưu vào hồ sơ vụ án: Dữ liệu điện tử được sao lưu từ đầu thu camera của gia đình chị Lý Thị Thanh O, được sao lưu vào đĩa DVD-R đã được niêm phong.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng P, bị cáo Đào Vang Đ, bị cáo Cao Việt N, bị cáo Phạm Thị Thúy H mỗi bị cáo chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Hoàng P, bị cáo Đào Vang Đ, bị cáo Cao Việt N, bị cáo Phạm Thị Thúy H liên đới nộp 10.187.850 đồng (*mười triệu một trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm đã tuyên./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Trà Vinh;
- TTG - CA tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- CA thành phố T;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thành